

CÔNG TY CỔ PHẦN MHC

Số: 47/2021/MHC

V/v: "Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2020
- Hợp nhất và CV giải trình"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2021

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TPHCM**

(có thể sử dụng để công bố thông tin đồng thời đến UBCKNN và SGDCK)

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM**

Công ty: Công ty Cổ phần MHC

Mã chứng khoán: MHC

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 18, số 52, Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: 0243.5770810

Fax: 0243.5770814

Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Huy Quảng

Địa chỉ: Tầng 18, số 52, Phố Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 024 35770810

Loại thông tin công bố ☐ 24 giờ ☐ 72 giờ ☐ bất thường ☐ theo yêu cầu ☒ định kỳ:

Nội dung thông tin công bố: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2020 – Hợp nhất và Công văn giải trình.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 26/03/2021 tại đường dẫn www.mhc.vn.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- BCTC đã kiểm toán năm 2020 – Hợp nhất;
- Công văn giải trình số 36/2021/MHC.

Người đại diện theo pháp luật/

Người được ủy quyền công bố thông tin

(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Huy Quảng

CÔNG TY CỔ PHẦN MHC

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9 - 10
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 44

CÔNG TY CỔ PHẦN MHC

Tầng 18, số 52, Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần MHC (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con (sau đây được gọi chung là "Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần MHC là loại hình công ty cổ phần, tiền thân là Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 056428 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 19/11/1998 (nay chuyển sang mã số doanh nghiệp là 0100793715).

Trong quá trình hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0100793715, đăng ký thay đổi lần thứ 30 ngày 18/5/2020. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại: Tầng 18, số 52, Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

2. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Phạm Bá Huy	Chủ tịch HĐQT
Ông Lê Việt Dũng	Thành viên
Bà Nguyễn Tú Uyên	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phạm Bá Huy	Chủ tịch HĐQT - Đại diện theo pháp luật của Công ty
Ông Phạm Bá Huy	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm từ ngày 01/8/2020)
Bà Nguyễn Thị Thùy Linh	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01/9/2020)
Ông Lê Việt Dũng	Tổng Giám đốc (từ ngày 01/8/2020 đến hết ngày 31/8/2020)
Ông Nguyễn Huy Quảng	Kế toán trưởng (từ ngày 16/4/2020)
Ông Mai Văn Hiệp	Kế toán trưởng (đến ngày 15/4/2020)

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 và tình hình tài chính kết thúc cùng ngày được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính, có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Tập đoàn.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.

- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC, ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

7. Phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm được trình bày từ trang 06 đến trang 44, báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31/12/2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



PHẠM BÁ HUY

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2021



Số: 019/2021/BCKTHN-HT.00051

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần MHC

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần MHC (gọi tắt là "Công ty") và các Công ty con ("sau đây được gọi chung là Tập đoàn") được lập ngày 24/3/2021, từ trang 06 đến trang 44, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Tập đoàn, và được lập phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



NGUYỄN TRUNG THÀNH

Phó Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1673-2018-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM - CHI NHÁNH HÀ THÀNH

Thành phố Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2021

PHẠM QUANG KHẢI

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4018-2019-009-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2020	01/01/2020
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		839.941.025.267	715.176.594.382
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	12.482.983.503	9.041.123.871
Tiền	111		12.482.983.503	3.813.275.417
Các khoản tương đương tiền	112		-	5.227.848.454
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	397.604.172.497	451.044.949.389
Chứng khoán kinh doanh	121		425.390.231.271	468.178.969.322
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(28.687.585.855)	(17.981.319.821)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		901.527.081	847.299.888
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		428.346.145.172	253.275.106.734
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	10.712.646.535	12.930.689.843
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	87.264.709.041	301.250.000
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	200.000.000.000	74.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	137.542.200.455	173.157.507.750
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.7	(7.173.410.859)	(7.114.340.859)
Hàng tồn kho	140	5.8	-	459.000
Hàng tồn kho	141		-	459.000
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.507.724.095	1.814.955.388
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.11	130.191.467	205.599.944
Thuế GTGT được khấu trừ	152		754.363.188	1.005.706.516
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.13	623.169.440	603.648.928
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		29.141.305.606	38.176.461.696
Các khoản phải thu dài hạn	210		14.673.828.756	151.349.850
Phải thu dài hạn khác	216	5.6	14.673.828.756	151.349.850
Tài sản cố định	220		2.239.469.116	3.053.580.965
Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	2.239.469.116	3.053.580.965
- Nguyên giá	222		15.875.344.266	17.199.795.527
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(13.635.875.150)	(14.146.214.562)
Bất động sản đầu tư	230	5.10	-	24.236.776.427
- Nguyên giá	231		-	38.530.325.770
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	(14.293.549.343)
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	12.228.007.734	10.734.754.454
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		1.278.007.734	734.754.454
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		10.950.000.000	10.000.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		-	-
Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		869.082.330.873	753.353.056.078

CÔNG TY CỔ PHẦN MHCTầng 18, số 52, Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà
Trung, Thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính kết
thúc ngày 31/12/2020**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Tại ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2020	01/01/2020
NỢ PHẢI TRẢ	300		349.651.839.902	235.404.288.352
Nợ ngắn hạn	310		87.167.692.821	234.353.715.262
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	8.010.086.633	9.160.133.463
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		52.745.792	52.746.392
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	1.507.058.834	5.177.613.090
Phải trả người lao động	314		1.894.824.992	1.670.706.606
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	13.161.496.574	1.760.635.155
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.16	-	11.272.726
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	3.206.562.936	25.189.939.658
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17	56.341.613.716	188.060.915.328
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.993.303.344	3.269.752.844
Nợ dài hạn	330		262.484.147.081	1.050.573.090
Phải trả dài hạn khác	337	5.15	128.400.028	310.123.981
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.17	259.839.452.055	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	5.18	2.516.294.998	740.449.109
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		519.430.490.971	517.948.767.726
Vốn chủ sở hữu	410	5.19	519.430.490.971	517.948.767.726
Vốn góp của chủ sở hữu	411		414.069.640.000	414.069.640.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		414.069.640.000	414.069.640.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		28.614.580.000	28.614.580.000
Cổ phiếu quỹ	415		(1.200.000)	(1.200.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		9.344.183.063	9.344.183.063
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		64.838.519.733	65.921.564.663
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối năm trước	421a		65.925.106.654	53.652.995.445
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		(1.086.586.921)	12.268.569.218
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		2.564.768.175	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		869.082.330.873	753.353.056.078

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2021

Chủ tịch Hội đồng quản trị






LÊ THỊ LAN HƯƠNG

NGUYỄN HUY QUẢNG

PHẠM BÁ HUY

CÔNG TY CỔ PHẦN MHCTầng 18, số 52, Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà
Trung, Thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính kết
thúc ngày 31/12/2020**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Năm 2020	Năm 2019
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	22.760.651.278	33.436.798.401
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần về bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ	10		22.760.651.278	33.436.798.401
Giá vốn hàng bán	11	6.2	22.353.094.132	32.141.008.429
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	20		407.557.146	1.295.789.972
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	110.219.066.607	56.879.329.302
Chi phí tài chính	22	6.4	104.800.135.297	39.585.514.495
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	6.4	31.671.329.084	21.015.865.750
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		543.253.280	34.349.969
Chi phí bán hàng	25		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	10.270.001.993	6.512.144.923
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(3.900.260.257)	12.111.809.825
Thu nhập khác	31	6.5	6.026.592.725	2.612.063.008
Chi phí khác	32	6.6	40.666.063	170.354.268
Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		5.985.926.662	2.441.708.740
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.085.666.405	14.553.518.565
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	1.488.097.271	5.484.648.233
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	6.10	1.775.845.889	23.549.259
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		(1.178.276.755)	9.045.321.073
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		(1.169.542.949)	9.045.321.073
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(8.733.806)	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.11	(28)	234
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.11	(28)	234

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2021

Chủ tịch Hội đồng quản trị



LÊ THỊ LAN HƯƠNG



NGUYỄN HUY QUẢNG



PHẠM BÁ HUY

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Năm 2020	Năm 2019
Lưu chuyển tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		2.085.666.405	14.553.518.565
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		1.494.792.993	2.447.719.004
Các khoản dự phòng	03		10.765.336.034	(6.348.445.953)
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		57.511.201	(1.924.212)
Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(21.426.073.114)	(23.156.038.639)
Chi phí lãi vay	06		31.671.329.084	21.015.865.750
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		24.648.562.603	8.510.694.515
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09		(10.171.346.746)	(106.074.085.803)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10		459.000	1.001.167
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(22.926.115.259)	(4.661.131.730)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12		75.408.477	355.468.565
(Tăng)/Giảm chứng khoán kinh doanh	13		42.788.738.051	195.424.189.596
Tiền lãi vay đã trả	14		(20.229.348.122)	(23.568.345.075)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(5.336.506.201)	(6.178.863.567)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	22.000.000.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(245.949.500)	(194.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ kinh doanh	20		8.603.902.303	85.614.927.668
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TS dài hạn khác	21		(101.490.784.822)	(44.909.091)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		24.959.090.908	1.499.241.698
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(538.794.227.193)	(74.051.002.895)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24		473.536.865.209	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(950.000.000)	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		6.836.319.061	22.545.104.355
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ đầu tư	30		(135.902.736.837)	(50.051.565.933)

CÔNG TY CỔ PHẦN MHCTầng 18, số 52, Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà
Trung, Thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính kết
thúc ngày 31/12/2020**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)**
(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Năm 2020	Năm 2019
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		2.660.000.000	-
Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
Tiền thu từ đi vay	33	7.1	1.772.357.079.657	1.487.576.189.581
Tiền trả nợ gốc vay	34	7.2	(1.644.276.381.269)	(1.520.511.599.704)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hđ tài chính	40		130.740.698.388	(32.935.410.123)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm				
Tiền và tương đương tiền đầu năm	50		3.441.863.854	2.627.951.612
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		9.041.123.871	6.413.169.093
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(4.222)	3.166
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		12.482.983.503	9.041.123.871

Người lập biểu



LÊ THỊ LAN HƯƠNG

Kế toán trưởng



NGUYỄN HUY QUẢNG

Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2021

Chủ tịch Hội đồng quản trị



PHẠM BÁ HUY

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần MHC là loại hình công ty cổ phần, tiền thân là Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 056428 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 19/11/1998 (nay chuyển sang mã số doanh nghiệp là 0100793715).

Trong quá trình hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0100793715, đăng ký thay đổi lần thứ 30 ngày 18/5/2020. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Công ty có đầu tư vào công ty con như được trình bày tại mục 1.5 dưới đây (Cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Tập đoàn").

1.2. Lĩnh vực kinh doanh: Tập đoàn kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

1.3. Ngành nghề kinh doanh:

Những hoạt động kinh doanh chính của Tập đoàn bao gồm:

- Dịch vụ cho thuê văn phòng và khu siêu thị;
- Vận tải đường thủy, đường bộ;
- Dịch vụ giao nhận kho vận hàng hóa;
- Buôn bán xuất khẩu và nhập khẩu tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng;
- Đại lý mua, bán, ký gửi hàng hóa;
- Lai dắt tàu biển, bốc xếp hàng hóa và container;
- Đại lý Hàng hải;
- Xây dựng công trình giao thông;
- Khai thác cảng và kinh doanh bãi container;
- Kinh doanh vận tải đa phương thức;
- Khai thuê hải quan.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tập đoàn là trong vòng 12 tháng.

1.5. Cấu trúc tập đoàn

- a) Tại ngày 31/12/2020, Tập đoàn có 03 công ty con (tại ngày 01/01/2020: 02 công ty con)
- Số lượng các Công ty con được hợp nhất: 03 công ty
 - Số lượng các Công ty con không được hợp nhất: 0 công ty

Số lượng nhân viên của Tập đoàn tại ngày 31/12/2020 là 36 người (tại ngày 01/01/2020 là: 48 người).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***b) Các công ty con được hợp nhất:**

STT	Tên công ty	Địa chỉ	% quyền biểu quyết	% lợi ích	Hoạt động chính
1	Công ty TNHH MTV Vận tải và Dịch vụ Hàng hải Hải Phòng	Tầng 6, tòa nhà Hải An, đường Đinh Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng	100,00%	100,00%	Dịch vụ vận tải
2	Công ty Cổ phần Đầu tư MHC	Tầng 18, số 52, Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội	99,00%	99,00%	Đầu tư tài chính
3	Công ty Cổ phần MHC Land	Tầng 18, Số 52, Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội	99,00%	99,00%	Kinh doanh bất động sản

c) Các Công ty liên doanh, liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu:

STT	Tên công ty	Địa chỉ	% quyền biểu quyết	% lợi ích	Hoạt động chính
1	Công ty TNHH Hàng hải Wallem Việt Nam (*)	Số 144-146 đường Nguyễn Thái Bình, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, TP. HCM	51,00%	51,00%	Dịch vụ vận tải
2	Công ty Cổ phần Quản lý và Kinh doanh Bất động sản Hà Nội	Số 1 phố Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội	45,05%	45,05%	Dịch vụ kinh doanh bất động sản

- (*) Công ty Cổ phần MHC sở hữu 51,00% vốn góp của Công ty TNHH Hàng Hải Wallem Việt Nam, tuy nhiên điều lệ của công ty này yêu cầu phải có sự thống nhất của các bên liên quan đối với mọi quyết định quan trọng về hoạt động và tài chính của công ty. Do đó, khoản đầu tư vào công ty này trên báo cáo tài chính hợp nhất được phân loại vào “Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết” thay vì “Đầu tư vào các công ty con”.

1.6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu dùng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Tập đoàn đã được kiểm toán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****2.1 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Tập đoàn là Đồng Việt Nam ("VND") cũng là đơn vị tiền tệ sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**3.1 Chế độ kế toán áp dụng**

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC, và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và các thông tư hướng thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành.

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

Những chính sách kế toán được công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất các Báo cáo tài chính riêng - Công ty Cổ phần MHC và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty mẹ kiểm soát (các công ty con). Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán áp dụng tại Công ty và các công ty con.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa Tập đoàn với các công ty con và giữa các công ty con trong cùng Tập đoàn được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của Tập đoàn. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của Công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính**Chứng khoán kinh doanh**

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán kinh doanh giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ. Sau khi khoản dự phòng này được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán kinh doanh này tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng được hoàn nhập trong phạm vi không làm giá trị ghi sổ của các chứng khoán vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào được ghi nhận.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại ngày báo cáo

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia.

4.5 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tập đoàn.

Các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch có tính chất mua-bán.

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại ngày báo cáo.

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

4.7 Tài sản cố định hữu hình**Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính.

Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

- Phương tiện vận tải, truyền dẫn 05 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý 03 năm

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

4.8 Bất động sản đầu tư**Nguyên giá**

Bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến của Ban Tổng Giám đốc.

Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản nắm giữ để cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính trong 25 năm.

4.9 Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính. Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

4.10 Các khoản phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tập đoàn.

Các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán (là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết);
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Phải trả người bán và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo giá gốc. Phải trả người bán và các khoản phải trả khác được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại ngày báo cáo.

Khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra, kế toán ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

4.11 Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ báo cáo dựa trên điều khoản ghi trong các hợp đồng tương ứng. Chi phí phải trả bao gồm: lãi vay phải trả, lãi trái phiếu phát hành và các khoản chi phí phải trả khác.

4.12 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản tiền vay được phản ánh theo giá gốc, được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn của từng khoản vay. Các khoản vay có thời hạn trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính được trình bày là vay dài hạn. Các khoản vay có thời hạn trả nợ trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính được trình bày là vay ngắn hạn.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

4.13 Trái phiếu thường

Trái phiếu thường của Công ty là trái phiếu ngang giá được ghi nhận bằng mệnh giá trái phiếu.

Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng và ghi nhận vào chi phí tài chính. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, chi phí phát hành trái phiếu được ghi giảm mệnh giá của trái phiếu. Định kỳ, kế toán phân bổ chi phí phát hành trái phiếu bằng cách ghi tăng giá trị mệnh giá trái phiếu và ghi nhận vào chi phí tài chính phù hợp với việc ghi nhận lãi vay phải trả của trái phiếu.

Lãi trái phiếu được tính định kỳ và ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

4.14 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông theo mệnh giá.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***Cổ phiếu quỹ**

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

4.15 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông Công ty phê duyệt.

4.16 Doanh thu và thu nhập**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Thu nhập từ tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Thu nhập từ cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn**

Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chỉ được chuyển giao cho người mua khi hoàn thành giao dịch mua bán (đối với chứng khoán đã niêm yết) hoặc hoàn thành hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

4.17 Chi phí**Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: chi phí đi vay vốn, chi phí lãi vay (kể cả số trích trước) phát sinh trong năm tài chính được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của kỳ báo cáo.

4.18 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

4.19 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***4.20 Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.21 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động, hoặc có quyền được tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên kia, nhưng không kiểm soát các chính sách đó.

Các bên có liên quan bao gồm:

- Các doanh nghiệp kể cả công ty mẹ, công ty con, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty;
- Các bên liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của doanh nghiệp báo cáo, bao gồm những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	260.015.623	436.831.399
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	12.222.967.880	3.376.444.018
Các khoản tương đương tiền	-	5.227.848.454
Cộng	12.482.983.503	9.041.123.871

CÔNG TY CỔ PHẦN MHC

Tầng 18, số 52, Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

5.2. Các khoản đầu tư tài chính**a) Chứng khoán kinh doanh**

	31/12/2020			01/01/2020		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
- Tổng giá trị cổ phiếu	398.491.261.536	489.984.133.050	(28.687.585.855)	359.498.807.021	342.738.183.500	(17.981.319.821)
+ Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam	66.994.751.830	65.487.060.000	(1.507.691.830)	292.746.159.468	290.578.021.200	(2.168.138.268)
+ Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX	62.478.553.586	142.217.441.000	-	36.971.153.073	29.819.437.800	(7.151.715.273)
+ Công ty Cổ phần SCI E&C	45.067.500.000	33.075.000.000	(11.992.500.000)	-	-	-
+ Công ty Cổ phần SCI	47.040.069.266	47.410.981.200	(7.092.700.000)	-	-	-
+ Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng	89.594.190.000	116.340.000.000	-	-	-	-
+ Công ty Cổ phần DAP-VINACHEM	49.494.130.000	49.441.180.000	(52.950.000)	7.484.983.700	7.915.680.000	-
+ Giá trị cổ phiếu khác	37.822.066.854	36.012.470.850	(8.041.744.025)	22.296.510.780	14.425.044.500	(8.661.466.280)
- Tổng giá trị trái phiếu	26.898.969.735	-	-	108.680.162.301	-	-
+ Trái phiếu Công ty TNHH Thiết Bị và Xây lắp Huy Hoàng	-	-	-	75.744.721.462	(**)	-
+ Trái phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư công nghệ và Giáo dục Hải An	-	-	-	17.226.835.807	(**)	-
+ Trái phiếu Công ty CP Đầu tư Nước Sạch và Môi Trường ECO&MORE	-	-	-	11.015.687.227	(**)	-
+ Trái phiếu Công ty Cổ phần Outstanding Investment	-	-	-	4.692.917.805	(**)	-
+ Công ty Cổ phần Mua bán nợ Thế hệ mới	26.898.969.735	(**)	-	-	-	-
Cộng	425.390.231.271	(28.687.585.855)		468.178.969.322		(17.981.319.821)

(**) Do trái phiếu của các Công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán nên Công ty chưa thể thuyết minh được giá trị hợp lý

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***Biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh trong năm như sau:**

	Năm 2020
	VND
Số dư đầu năm	(17.981.319.821)
Trích lập bổ sung dự phòng trong năm	(111.550.340.154)
Hoàn nhập dự phòng	100.844.074.120
Sử dụng dự phòng trong năm	-
Số dư cuối năm	(28.687.585.855)

b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	901.527.081	901.527.081	847.299.888	847.299.888
Tiền gửi có kỳ hạn	901.527.081	901.527.081	847.299.888	847.299.888
Trái phiếu	-	-	-	-
Dài hạn	-	-	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	-	-
Trái phiếu	-	-	-	-
Cộng	901.527.081	901.527.081	847.299.888	847.299.888

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**c.1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
+ Công ty Cổ phần Quản lý và Kinh doanh Bất động sản Hà Nội	2.703.000.000	497.111.285	2.703.000.000	668.053.965
+ Công ty TNHH Hàng hải Wallem Việt Nam	1.734.000.000	780.896.449	1.734.000.000	66.700.489
Cộng	4.437.000.000	1.278.007.734	4.437.000.000	734.754.454

- Biến động các khoản đầu tư góp vốn vào công ty liên doanh liên kết trong năm như sau:

	Năm 2020
	VND
Số dư đầu năm	734.754.454
Phản lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết trong năm	513.253.280
Số dư cuối năm	1.278.007.734

- Thông tin về các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết của Tập đoàn tại ngày 31/12/2020 được trình bày tại Thuyết minh số 1.5.

CÔNG TY CỔ PHẦN MHC

Tầng 18, số 52, Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng,
Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

c.2. Đầu tư vào đơn vị khác

	31/12/2020			01/01/2020		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
+ Công ty Cổ phần Giải trí và Truyền thông MHC	950.000.000	-	(**)	-	-	-
+ Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	10.000.000.000	-	(**)	10.000.000.000	-	(**)
Cộng	10.950.000.000	-		10.000.000.000	-	

(**) Tại ngày báo cáo, Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật đánh giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

- Thông tin về các khoản đầu tư vào Đơn vị khác của Tập đoàn tại ngày 31/12/2020:

STT	Tên công ty	Địa chỉ	% quyền biểu quyết	% lợi ích	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Giải trí và Truyền thông MHC	Tầng 18, Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội	19,00%	19,00%	Sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình
2	Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	Tầng 5, toà nhà Hải An, Km 2 đường Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng	5,00%	5,00%	Dịch vụ vận tải

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***5.3. Phải thu của khách hàng ngắn hạn**

a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
+ Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Xây dựng Lũng Lô	4.516.183.019	4.516.183.019
+ Công ty CP Sản xuất và Thương mại PP	2.979.156.469	4.720.545.584
+ Các khoản phải thu khách hàng khác	3.217.307.047	3.693.961.240
Cộng	10.712.646.535	12.930.689.843

b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan: Không phát sinh

5.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
+ Bà Bùi Thị Mỹ Duyên	86.968.305.916	-
+ Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	296.403.125	301.250.000
Cộng	87.264.709.041	301.250.000

5.5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
+ Phải thu về cho cá nhân vay ngắn hạn	200.000.000.000	74.000.000.000
+ Phải thu về cho tổ chức vay ngắn hạn	-	-
Cộng	200.000.000.000	74.000.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***5.6. Phải thu khác**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn				
+ Phải thu người lao động	8.815.468.595	-	1.471.688.169	-
+ Ký cược, ký quỹ	12.080.343.594	-	34.850.000	-
+ Phải thu tiền đặt cọc mua cổ phần	97.894.463.558	-	157.179.000.000	-
+ Lãi trái phiếu, tiền gửi, tiền cho vay	14.799.191.043	-	2.562.086.891	-
+ Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội	-	-	7.854.000.000	-
+ Công ty TNHH MTV Hàng hải Hà Nội Phía Nam	1.330.893.473	1.330.893.473	1.330.893.473	1.330.893.473
+ Các khoản chi hộ	2.176.220.962	-	2.240.193.955	-
+ Phải thu khác	445.619.230	312.424.867	484.795.262	312.424.867
Cộng	137.542.200.455	1.643.318.340	173.157.507.750	1.643.318.340

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	14.673.828.756	-	151.349.850	-
Cộng	14.673.828.756	-	151.349.850	-

5.7. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	31/12/2020		Thời gian quá hạn	01/01/2020	
		Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND		Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
+ Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Xây dựng Lũng Lô	Trên 3 năm	4.516.183.019	-	Trên 3 năm	4.516.183.019	-
+ Công ty TNHH MTV Hàng Hải Hà Nội Phía Nam (SHMC)	Trên 3 năm	1.330.893.473	-	Trên 3 năm	1.330.893.473	-
+ Công ty TNHH vận tải và đại lý vận tải đa phương thức	Trên 3 năm	312.424.867	-	Trên 3 năm	312.424.867	-
+ CN Công ty CP vận tải dầu khí Việt Nam tại HP (Falcon HPG)	Trên 3 năm	379.608.500	-	Trên 3 năm	379.608.500	-
+ Công ty CP SX kính Quảng Ninh	Trên 3 năm	157.200.000	-	Trên 3 năm	157.200.000	-
+ Công ty TNHH đầu tư thương mại và dịch vụ Ngọc Vy	Trên 3 năm	144.980.000	-	Trên 3 năm	144.980.000	-
+ Các khoản nợ xấu và nợ khó đòi khác	Trên 3 năm	332.121.000	-	Trên 3 năm	273.051.000	-
Cộng		7.173.410.859	-		7.114.340.859	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

(*) Biến động dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi trong năm như sau:

	Năm 2020
	VND
Số dư đầu năm	(7.114.340.859)
Trích lập bổ sung dự phòng trong năm	(59.070.000)
Số dư cuối năm	(7.173.410.859)

5.8. Hàng tồn kho

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	-	-	459.000	-
Cộng	-	-	459.000	-

5.9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư 01/01/2020	17.068.237.428	131.558.099	17.199.795.527
Mua trong năm	85.000.000	-	85.000.000
Tăng khác	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	(1.409.451.261)	-	(1.409.451.261)
Giảm khác	-	-	-
Số dư 31/12/2020	15.743.786.167	131.558.099	15.875.344.266
Giá trị đã hao mòn lũy kế			
Số dư 01/01/2020	14.055.823.129	90.391.433	14.146.214.562
Khấu hao trong năm	884.142.149	14.969.700	899.111.849
Tăng khác	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	(1.409.451.261)	-	(1.409.451.261)
Giảm khác	-	-	-
Số dư 31/12/2020	13.530.514.017	105.361.133	13.635.875.150
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2020	3.012.414.299	41.166.666	3.053.580.965
Tại ngày 31/12/2020	2.213.272.150	26.196.966	2.239.469.116

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: không có
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 9.343.637.539 đồng
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: không có
- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: không phát sinh
- Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình: không có

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***5.10. Tăng, giảm bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư cho thuê	01/01/2020	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2020
Khoản mục	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá	38.530.325.770	-	38.530.325.770	-
- Nhà	38.530.325.770	-	38.530.325.770	-
Giá trị đã hao mòn lũy kế				
- Nhà	14.293.549.343	595.681.144	14.889.230.487	-
+ Khấu hao trong năm		595.681.144	-	
Giá trị còn lại	24.236.776.427			-
- Nhà	24.236.776.427			-

5.11. Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	-	69.256.910
Các khoản khác	130.191.467	136.343.034
Cộng	130.191.467	205.599.944

5.12. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị nợ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị nợ VND	Số có khả năng trả nợ VND
+ Công ty CP Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải	988.817.357	988.817.357	988.817.357	988.817.357
+ Công ty CP TM Dầu Khí Cửu Long	405.150.000	405.150.000	405.150.000	405.150.000
+ Chi Nhánh Cty CP Xăng dầu chất đốt Hà Nội tại Hải Phòng	416.984.141	416.984.141	1.041.475.180	1.041.475.180
+ Công ty TNHH Tuấn Châu	745.415.000	745.415.000	457.688.000	457.688.000
+ Công ty TNHH TM và DV Vận tải Việt Tùng	-	-	1.046.859.900	1.046.859.900
+ Công ty TNHH Đầu tư KD và Dịch vụ VTHH Đại Phát	-	-	1.251.141.600	1.251.141.600
+ Công ty Cổ Phần Thương Mại và dịch vụ vận tải Hà Trung	1.203.586.994	1.203.586.994	-	-
+ Phải trả cho các đối tượng khác	4.250.133.141	4.250.133.141	3.969.001.426	3.969.001.426
Cộng	8.010.086.633	8.010.086.633	9.160.133.463	9.160.133.463

CÔNG TY CỔ PHẦN MHCTầng 18, số 52, Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng,
Thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính kết
thúc ngày 31/12/2020**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***5.13. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

a) Phải nộp

	01/01/2020	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2020
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	75.618.931	2.547.858.011	2.432.145.813	191.331.129
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.064.725.258	1.488.097.271	5.336.506.201	1.216.316.328
Thuế thu nhập cá nhân	37.268.901	323.346.403	261.203.927	99.411.377
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	39.676.418	39.676.418	-
Các loại thuế khác	-	6.000.000	6.000.000	-
Cộng	5.177.613.090	4.404.978.103	8.075.532.359	1.507.058.834

b) Phải thu

	01/01/2020	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2020
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	574.072.153	-	-	574.072.153
Thuế thu nhập doanh nghiệp	26.576.775	-	-	26.576.775
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	22.520.512	22.520.512
Các loại thuế khác	3.000.000	3.000.000	-	-
Cộng	603.648.928	3.000.000	22.520.512	623.169.440

5.14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Chi phí lãi vay, lãi trái phiếu phát hành	11.835.616.438	433.087.531
Các khoản trích trước khác	1.325.880.136	1.327.547.624
Cộng	13.161.496.574	1.760.635.155

5.15. Phải trả khác

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
+ Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT, BHTN	187.758.808	157.909.724
+ Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	22.000.000.000
+ Công ty Cổ phần Quản lý và Kinh doanh Bất động sản Hà Nội	1.503.000.000	1.503.000.000
+ Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.035.833.150	1.035.833.150
+ Các khoản phải trả, phải nộp khác	479.970.978	493.196.784
Cộng	3.206.562.936	25.189.939.658

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
b) Dài hạn		
+ Các khoản phải trả, phải nộp khác	128.400.028	310.123.981
Cộng	128.400.028	310.123.981

5.16. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Doanh thu nhận trước	-	11.272.726
Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác	-	-
Cộng	-	11.272.726

CÔNG TY CỔ PHẦN MHC

Tầng 18, số 52, Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng,
Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

5.17. Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2020		Trong năm		01/01/2020	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn						
- Vay ngắn hạn (*)	56.341.613.716	56.341.613.716	1.512.557.079.657	1.644.276.381.269	188.060.915.328	188.060.915.328
- Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-	-	-	-	-
Cộng	56.341.613.716	56.341.613.716	1.512.557.079.657	1.644.276.381.269	188.060.915.328	188.060.915.328

	31/12/2020		Trong năm		01/01/2020	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn						
- Vay dài hạn	60.000.000.000	60.000.000.000	60.000.000.000	-	-	-
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	60.000.000.000	60.000.000.000	60.000.000.000	-	-	-
- Trái phiếu phát hành (**)	199.839.452.055	199.839.452.055	200.039.452.055	200.000.000	-	-
Cộng	259.839.452.055	259.839.452.055	260.039.452.055	200.000.000	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***(*) Chi tiết vay ngắn hạn**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
+ Công ty Cổ phần Chứng khoán Hòa Bình	-	3.017.158.613
+ Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt - Chi nhánh Hà Nội	-	51.859.643.537
+ Công ty TNHH Chứng Khoán Mirae Asset (Việt Nam)	-	79.538.300.563
+ Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX	43.062.076.880-	5.634.685.978
+ Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam	12.537.148.914	48.011.126.637
+ Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	742.387.922	-
Cộng	56.341.613.716	188.060.915.328

() Trái phiếu phát hành**

	31/12/2020			01/01/2020		
	Giá trị VND	Lãi suất Năm	Kỳ hạn	Giá trị VND	Lãi suất Năm	Kỳ hạn
Loại phát hành theo mệnh giá (*)	199.839.452.055	10%/năm	03 năm	-		
Loại phát hành có chiết khấu	-			-		
Loại phát hành có phụ trội	-			-		
Cộng	199.839.452.055			-		

Thông tin chi tiết trái phiếu phát hành theo mệnh giá:

- Tên trái phiếu: Trái phiếu Công ty TNHH Đầu tư Marina - Công ty con (Nay là Công ty Cổ phần Đầu tư MHC)
- Giá trị trái phiếu:

	Giá trị VND
Tổng mệnh giá	200.000.000.000
Chi phí phát hành trái phiếu	(160.547.945)
Trị giá trái phiếu	199.839.452.055
- Số lượng trái phiếu phát hành: 2.000 trái phiếu;
- Ngày phát hành: 29/5/2020;
- Ngày đáo hạn: 29/5/2023;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***5.18. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả****a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng	-	-
Cộng	<u>-</u>	<u>-</u>

b) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	2.516.294.998	740.449.109
Số bù trừ với tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	-
Cộng	<u>2.516.294.998</u>	<u>740.449.109</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MHC

Tầng 18, số 52, Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng,
Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

5.19. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	LN sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Cộng VND
Số dư 01/01/2019	376.438.960.000	28.614.580.000	(1.200.000)	8.712.225.710	96.588.880.943	-	510.353.446.653
Tăng vốn trong năm trước	37.630.680.000						37.630.680.000
Lãi trong năm trước				400.000.000	9.045.321.073		9.045.321.073
Công ty con phân phối LN				231.957.353			400.000.000
Tăng khác							231.957.353
Chia cổ tức					(37.630.680.000)		(37.630.680.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ HĐQT					(1.450.000.000)		(1.450.000.000)
Trích quỹ Đầu tư phát triển					(400.000.000)		(400.000.000)
Giảm khác					(231.957.353)		(231.957.353)
Số dư 01/01/2020	414.069.640.000	28.614.580.000	(1.200.000)	9.344.183.063	65.921.564.663	-	517.948.767.726
Tăng vốn trong năm						2.660.000.000	2.660.000.000
Tăng khác					86.498.019		86.498.019
Lỗ trong năm nay					(1.169.542.949)	(8.733.806)	(1.178.276.755)
Giảm khác						(86.498.019)	(86.498.019)
Số dư 31/12/2020	414.069.640.000	28.614.580.000	(1.200.000)	9.344.183.063	64.838.519.733	2.564.768.175	519.430.490.971

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Vốn góp của các cổ đông	414.069.640.000	414.069.640.000
Cộng	<u>414.069.640.000</u>	<u>414.069.640.000</u>

b) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Năm 2020</u>	<u>Năm 2019</u>
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	414.069.640.000	376.438.960.000
+ Vốn góp đầu năm	414.069.640.000	376.438.960.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	37.630.680.000
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	414.069.640.000	414.069.640.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	38.480.680.000

d) Cổ phiếu

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	41.406.964	41.406.964
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	41.406.964	41.406.964
+ Cổ phiếu phổ thông	41.406.964	41.406.964
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	120	120
+ Cổ phiếu phổ thông	120	120
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	41.406.844	41.406.844
+ Cổ phiếu phổ thông	41.406.844	41.406.844
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

(*) Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu

đ) Cổ tức

Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc năm tài chính

+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông: không phát sinh

+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi: không phát sinh

Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận: không phát sinh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***5.20. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán hợp nhất**

a) Ngoại tệ các loại

	31/12/2020		01/01/2020	
	Ngoại tệ	Tương đương VND	Ngoại tệ	Tương đương VND
USD	109,38	2.503.415	109,38	2.507.637

b) Nợ khó đòi đã xử lý

Tên Công ty	Nguyên nhân	31/12/2020		01/01/2020	
		Năm xóa sổ	Giá trị VND	Năm xóa sổ	Giá trị VND
+ Công ty TNHH Vận tải Sông Đào	Nợ đọng lâu ngày	2018	328.000.000	2018	328.000.000
+ Công ty TNHH TM DV Phong Châu	Nợ đọng lâu ngày	2018	84.000.000	2018	84.000.000
+ Công ty XD Công trình Đường thủy II	Nợ đọng lâu ngày	2018	45.000.000	2018	45.000.000
+ ACHIEVER	Nợ đọng lâu ngày	2018	447.223.065	2018	447.223.065
+ Công ty GNVN Quyết Tiến	Nợ đọng lâu ngày	2018	238.100.000	2018	238.100.000
+ Công ty TNHH HH Wallem Việt Nam	Nợ đọng lâu ngày	2018	218.016.797	2018	218.016.797
+ Công ty TNHH VTH công nghệ cao	Nợ đọng lâu ngày	2018	110.000.000	2018	110.000.000
+ OCEAN PARK	Nợ đọng lâu ngày	2018	2.356.396	2018	2.356.396
+ Bransford International Ltd	Nợ đọng lâu ngày	2013	1.510.085.635	2013	1.510.085.635
+ Far Shipping Lines Pte Ltd	Nợ đọng lâu ngày	2013	832.800.000	2013	832.800.000
+ Công ty Obayashi Việt Nam	Nợ đọng lâu ngày	2013	671.955.900	2013	671.955.900
+ Công ty TNHH Đèn hình Orion Hanel	Doanh nghiệp phá sản	2012	1.007.000.000	2012	1.007.000.000
+ Tổng Công ty Xây dựng số 1	Nợ đọng lâu ngày	2012	353.441.000	2012	353.441.000
+ Bùi Tiến Học	Nợ đọng lâu ngày	2020	25.500.000		-
+ Các khoản công nợ nó đòi khác	Nợ đọng lâu ngày	2012	1.406.380.106	2012	1.406.380.106
Cộng			7.279.858.899		7.254.358.899

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****6.1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
a) Doanh thu		
Doanh thu bán hàng	-	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	22.760.651.278	33.436.798.401
+ Dịch vụ vận tải	18.294.125.532	25.110.527.526
+ Dịch vụ cho thuê văn phòng	2.160.647.346	5.473.054.275
+ Dịch vụ khác	2.305.878.400	2.853.216.600
Cộng	22.760.651.278	33.436.798.401

b) Doanh thu đối với các bên liên quan: không phát sinh

6.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	-	-
Giá vốn của thành phẩm đã bán	-	-
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	22.353.094.132	32.141.008.429
+ Dịch vụ vận tải	18.576.146.004	24.838.467.477
+ Dịch vụ cho thuê văn phòng	1.921.487.017	5.430.544.902
+ Dịch vụ khác	1.855.461.111	1.871.996.050
Cộng	22.353.094.132	32.141.008.429

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	15.744.909.099	1.630.057.890
Lãi bán các khoản đầu tư, lãi trái phiếu	92.846.728.508	52.873.587.200
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.627.429.000	2.373.760.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	1.924.212
Cộng	110.219.066.607	56.879.329.302

6.4. Chi phí tài chính

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền vay	31.671.329.084	21.015.865.750
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	62.351.209.338	24.505.667.558
Lỗ chênh lệch tỷ giá	57.511.201	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	120.354.907.124	-
Chi phí tài chính khác	13.819.640	412.427.140
Các khoản hoàn nhập dự phòng	(109.648.641.090)	(6.348.445.953)
Cộng	104.800.135.297	39.585.514.495

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***6.5. Thu nhập khác**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	1.317.995.625	116.545.454
Tiền phạt thu được	4.708.596.500	2.492.153.425
Các khoản khác	600	3.364.129
Cộng	6.026.592.725	2.612.063.008

6.6. Chi phí khác

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí thanh lý TSCĐ	-	138.489.060
Các khoản bị phạt	15.100.658	31.865.208
Các khoản khác	25.565.405	-
Cộng	40.666.063	170.354.268

6.7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	5.152.065.247	3.857.274.241
Chi phí đồ dùng văn phòng	436.444.146	261.449.298
Chi phí khấu hao tài sản cố định	143.195.693	129.831.137
Thuế, phí và lệ phí	13.445.000	12.409.067
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.067.863.604	1.419.421.480
Chi phí bằng tiền khác	1.397.918.303	831.759.700
Chi phí dự phòng	59.070.000	-
Cộng	10.270.001.993	6.512.144.923

6.8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.574.896.076	5.284.574.862
Chi phí nhân công	9.579.165.218	9.669.934.724
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.494.792.993	2.447.719.004
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.474.270.771	17.387.117.899
Chi phí khác bằng tiền	1.499.971.067	3.863.806.863
Cộng	32.623.096.125	38.653.153.352

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***6.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Thuyết minh	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	(i)	1.488.097.271	5.484.648.233
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay		-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		1.488.097.271	5.484.648.233
(i) Chi tiết chi phí thuế TNDN hiện hành		Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Thuế TNDN của hoạt động sản xuất kinh doanh		1.246.316.328	5.484.648.233
Thuế TNDN của hoạt động chuyển nhượng bất động sản		241.780.943	-
Thuế TNDN phải trả hiện hành		1.488.097.271	5.484.648.233

6.10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Thuyết minh	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
+ Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế		1.918.685.081	23.549.259
+ Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	-
+ Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ		-	-
+ Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng		-	-
+ Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả		(142.839.192)	-
Tổng chi phí thuế TNDN hoãn lại		1.775.845.889	23.549.259

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***6.11. Lãi trên cổ phiếu**

	Đơn vị tính	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	VND	(1.169.542.949)	9.045.321.073
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ	VND	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND	(1.169.542.949)	9.045.321.073
Số lượng cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ đang lưu hành bình quân trong năm	Cổ phần	41.406.844	38.674.754
Lãi trên cổ phiếu			
+ Lãi cơ bản	VND/Cổ phần	(28)	234
+ Lãi suy giảm	VND/Cổ phần	(28)	234

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**7.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	60.742.387.922	-
Tiền thu từ phát hành trái phiếu thường	200.000.000.000	-
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu ưu đãi phân loại là nợ phải trả	-	-
Tiền thu từ đi vay dưới hình thức khác	1.511.614.691.735	1.487.576.189.581
Cộng	1.772.357.079.657	1.487.576.189.581

7.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	-	-
Tiền trả nợ gốc trái phiếu thường	-	100.000.000.000
Tiền trả nợ gốc cổ phiếu ưu đãi phân loại là nợ phải trả	-	-
Tiền trả nợ vay dưới hình thức khác	1.644.276.381.269	1.420.511.599.704
Cộng	1.644.276.381.269	1.520.511.599.704

8. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**8.1 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính, có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***8.2 Thông tin về các bên liên quan**

a) Thông tin về các bên liên quan

TT	Tên bên liên quan	Mối quan hệ
1	Công ty TNHH Hàng hải Wallem Việt Nam	Công ty liên doanh liên kết
2	Công ty Cổ phần Quản lý và Kinh doanh BĐS Hà Nội	Công ty liên doanh liên kết
3	Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Quản lý chủ chốt của Công ty

b) Giao dịch trọng yếu với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan bao gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch trọng yếu với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

TT	Bên liên quan	Mối quan hệ	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
1	Tiền lương, thưởng, phụ cấp, thù lao	HĐQT và Ban Tổng Giám đốc	1.227.220.000	833.395.576

c) Giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan khác: không phát sinh

d) Số dư phải thu, phải trả với các bên liên quan

TT	Bên liên quan	Mối quan hệ	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
1	Phải trả ngắn hạn khác Công ty CP Quản lý và Kinh doanh Bất động sản Hà Nội	Công ty liên doanh liên kết	1.503.000.000	1.503.000.000

8.3 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

Bộ phận theo hoạt động kinh doanh

Kết quả của bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý.

Các khoản mục không được phân chia bao gồm: tài sản và nợ phải trả, doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp, lợi nhuận và lỗ khác, và thuế thu nhập doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN MHC

Tầng 18, số 52, Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng,
Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết
thúc ngày 31/12/2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

a) Kết quả hoạt động kinh doanh phân chia theo bộ phận của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Khoản mục	Hoạt động đầu tư VND	Hoạt động cho thuê văn phòng VND	Hoạt động vận tải VND	Hoạt động không phân bổ VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần của bộ phận	110.762.319.887	2.160.647.346	18.294.125.532		131.217.092.765
Chi phí của bộ phận	113.587.621.083	1.921.487.017	18.576.146.004		134.085.254.104
Kết quả kinh doanh của bộ phận	(2.825.301.196)	239.160.329	(282.020.472)		(2.868.161.339)
Doanh thu không phân bổ				2.305.878.400	2.305.878.400
Chi phí không phân bổ				3.337.977.318	3.337.977.318
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh					(3.900.260.257)
Thu nhập khác				6.026.592.725	6.026.592.725
Chi phí khác				40.666.063	40.666.063
Chi phí thuế TNDN				1.488.097.271	1.488.097.271
Chi phí thuế TNDN hoãn lại				1.775.845.889	1.775.845.889
Lợi nhuận sau thuế TNDN					(1.178.276.755)

b) Kết quả hoạt động kinh doanh phân chia theo bộ phận của năm tài chính bắt đầu từ kết thúc ngày 31/12/2019

Khoản mục	Hoạt động đầu tư VND	Hoạt động cho thuê văn phòng VND	Hoạt động vận tải VND	Hoạt động không phân bổ VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần của bộ phận	55.281.697.169	5.473.054.275	24.381.365.748		85.136.117.192
Chi phí của bộ phận	39.471.146.908	5.430.544.902	24.208.413.120		69.110.104.930
Kết quả kinh doanh của bộ phận	15.810.550.261	42.509.373	172.952.628		16.026.012.262

CÔNG TY CỔ PHẦN MHCTầng 18, số 52, Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng,
Thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính kết
thúc ngày 31/12/2020**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Doanh thu không phân bổ	5.214.360.480	5.214.360.480
Chi phí không phân bổ	9.128.562.914	9.128.562.914
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh		12.111.809.825
Thu nhập khác	2.612.063.008	2.612.063.008
Chi phí khác	170.354.268	170.354.268
Chi phí thuế TNDN	5.484.648.233	5.484.648.233
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	23.549.259	23.549.259
Lợi nhuận sau thuế TNDN		9.045.321.073

c) Tài sản và nợ phải trả phân chia theo bộ phận tại ngày 31/12/2020

Khoản mục	Hoạt động đầu tư VND	Hoạt động cho thuê văn phòng VND	Hoạt động vận tải VND	Hoạt động không phân bổ VND	Tổng cộng VND
Tài sản bộ phận	624.631.371.274				624.631.371.274
Tài sản không phân bổ				244.450.959.599	244.450.959.599
Tổng tài sản					869.082.330.873
Nợ phải trả bộ phận	328.016.682.209				328.016.682.209
Nợ phải trả không phân bổ				21.918.787.134	21.918.787.134
Tổng nợ phải trả					349.651.839.902

d) Tài sản và nợ phải trả phân chia theo bộ phận tại ngày 01/01/2020

Khoản mục	Hoạt động đầu tư VND	Hoạt động cho thuê văn phòng VND	Hoạt động vận tải VND	Hoạt động không phân bổ VND	Tổng cộng VND
Tài sản bộ phận	537.932.557.056				537.932.557.056
Tài sản không phân bổ				215.420.499.022	215.420.499.022
Tổng tài sản					753.353.056.078
Nợ phải trả bộ phận	188.494.002.859				188.494.002.859
Nợ phải trả không phân bổ				46.910.285.493	46.910.285.493
Tổng nợ phải trả					235.404.288.352

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

8.4 Thông tin so sánh

Số liệu dùng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019 của Tập đoàn đã được kiểm toán.

Người lập biểu



LÊ THỊ LAN HƯƠNG

Kế toán trưởng



NGUYỄN HUY QUẢNG

Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2021
Chủ tịch Hội đồng quản trị



PHẠM BÁ HUY

CÔNG TY CỔ PHẦN MHC

Số: 36 /2021/MHC

V/v: "Giải trình BCTC đã kiểm toán
năm 2020 – Hợp nhất"**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2021

Kính gửi: - **ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**
- **SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HỒ CHÍ MINH**

Công ty Cổ phần MHC (Mã chứng khoán MHC) giao dịch trên Sở GDCK TP.HCM, xin được giải trình kết quả kinh doanh trên BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2020 như sau:

Kết quả kinh doanh Hợp nhất năm 2020:

- | | |
|--|---------------------|
| - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2020: | 22.760.651.278 VNĐ |
| - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2019: | 33.436.798.401 VNĐ |
| - Lợi nhuận sau thuế năm 2020: | - 1.178.276.755 VNĐ |
| - Lợi nhuận sau thuế năm 2019 | 9.045.321.073 VNĐ |

Giải trình kết quả kinh doanh Hợp nhất năm 2020 của Công ty:

Lợi nhuận năm 2020 giảm so với cùng kỳ năm ngoái là do:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2020 giảm so với năm 2019 chủ yếu do năm 2020 công ty đã chuyển nhượng tài sản – Toà nhà văn phòng cho đơn vị khác.
- Chi phí tài hoạt động tài chính năm 2020 tăng so với năm 2019.

Trân trọng cảm ơn.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban KS;
- Lưu VT.

CÔNG TY CỔ PHẦN MHC**CHỦ TỊCH HĐQT****Phạm Bá Huy**